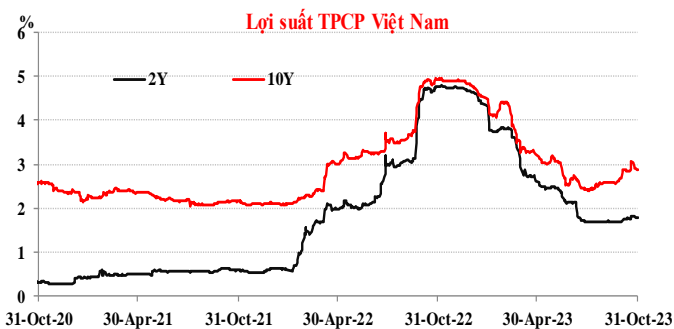

**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

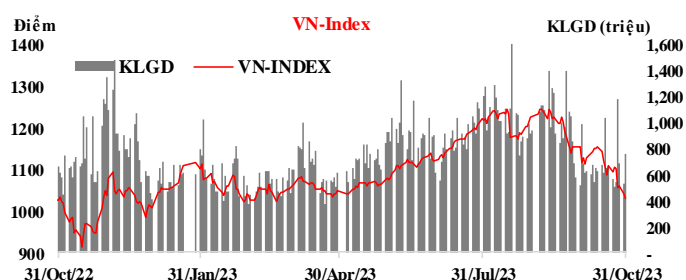
Kỳ hạn	VND		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	D/D	D/D	D/D	D/D		Lợi suất	D/D
ON	0.85	-0.15	5.06	0.01	3Y	1.78	0.000
1W	1.35	-0.03	5.16	0.03	5Y	1.79	0.012
2W	1.62	-0.06	5.27	0.03	7Y	2.63	-0.020
1M	2.35	-0.20	5.36	0.02	10Y	2.87	-0.003
2M	3.15	0.05	5.46	0.03	15Y	3.11	0.004
3M	3.45	0.02	5.56	0.06			
6M	4.78	-0.05	5.63	0.04			
9M	5.90	0.00	5.72	0.06			
1Y	6.20	0.06	5.79	0.07			


**Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 31/10/2023**

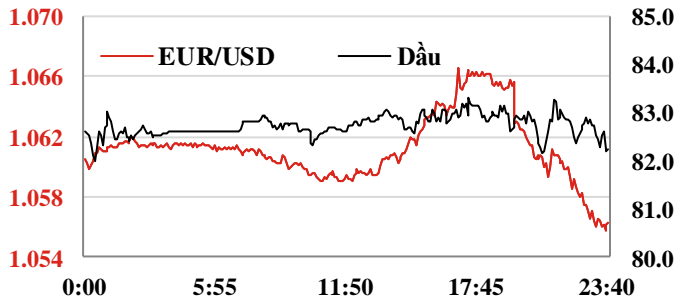
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	11,950.00	10,000.00	- 1,950.00	208,399.00
<b>Tổng</b>				<b>- 1,950.00</b>	

**Chứng khoán ngày 31/10/2023**

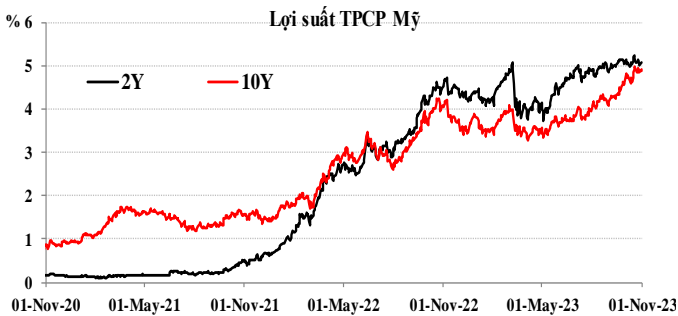
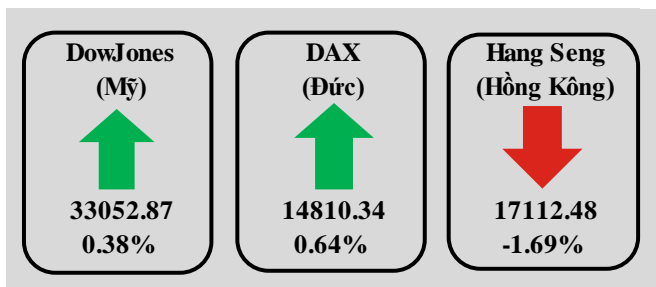
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1028.19	206.17	80.93
%/ngày	-1.36%	-2.45%	-1.64%
%/30/12/2022	2.10%	0.4%	13.0%
KLGD (tr.đ.v)	755.54	102.67	35.0
GTGD (tỷ đ)	14881.72	1814.80	513.74
NDINN mua (tỷ đ)	1915.61	100.00	22.83
NDINN bán (tỷ đ)	1609.02	34.36	13.93


**Tin trong nước ngày 31/10**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 31/10, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.087 VND/USD, giảm tiếp 10 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.241 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.565 VND/USD, tăng nhẹ 01 đồng so với phiên 30/10. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 24.570 VND/USD và 24.600 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 31/10, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm từ 0,03 – 0,20 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 0,85%; 1W 1,35%; 2W 1,62% và 1M 2,35%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,06%; 1W 5,16%; 2W 5,27%, 1M 5,36%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng ở các kỳ hạn 5Y và 15Y, giảm ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,78%; 5Y 1,79%; 7Y 2,63%; 10Y 2,87%; 15Y 3,11%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 11.950 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất giữ ở mức 1,50%, có 10.000 tỷ đồng đảo hạn trong phiên 30/10. Như vậy, NHNN hút ròng 1.950 tỷ đồng từ thị trường, đưa số tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 208.399 tỷ đồng.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán tiếp tục một phiên ảm đạm khi cả 3 chỉ số giao dịch dưới mốc tham chiếu suốt phiên. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 14,21 điểm (-1,36%) xuống mức 1.028,19 điểm; HNX-Index mất 5,17 điểm (-2,45%) về 206,17 điểm; UPCoM-Index rớt 1,35 điểm (-1,64%) còn 80,93 điểm. Thanh khoản thị trường có cải thiện với giá trị giao dịch trên 17.200 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng khoảng trên 380 tỷ trên cả 3 sàn.
- Theo Tổng cục Thống kê, tổng thu NSNN tháng 10/2023 ước đạt 169,5 nghìn tỷ đồng.** Lũy kế tổng thu NSNN 10 tháng năm 2023 ước đạt 1.398,7 nghìn tỷ đồng, bằng 86,3% dự toán năm và giảm 9,2% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi NSNN tháng 10/2023 ước đạt 118 nghìn tỷ đồng; lũy kế 10 tháng năm 2023 đạt 1.357,6 nghìn tỷ đồng, bằng 65,4% dự toán năm và tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước.



	31 Oct 23	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	106.66	0.51%	0.37%	3.03%
USD/CNY	7.32	0.03%	0.09%	6.07%
USD/EUR	0.95	0.35%	0.11%	1.19%
USD/JPY	151.67	1.72%	1.17%	15.68%
USD/KRW	1352.15	0.48%	0.62%	7.24%
USD/SGD	1.37	0.40%	0.11%	2.22%
USD/TWD	32.47	0.46%	0.63%	6.18%
USD/THB	36.14	0.70%	-0.08%	4.42%
USD/VND Trung tâm	24087	-0.04%	-0.04%	2.01%
USD/VND LNH	24565	0.00%	0.02%	4.33%
USD/VND tự do	24602	0.03%	0.13%	3.81%
Vàng	1982.71	-0.66%	0.64%	8.68%
Dầu WTI	81.02	-1.57%	-3.25%	0.95%



Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương					
NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/07/2023	01/11/2023
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/09/2023	14/12/2023
Anh	GBP	5,25%	5,25%	03/08/2023	02/11/2023
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	31/10/2023
Australia	AUD	3,85%	4,10%	06/06/2023	19/12/2023

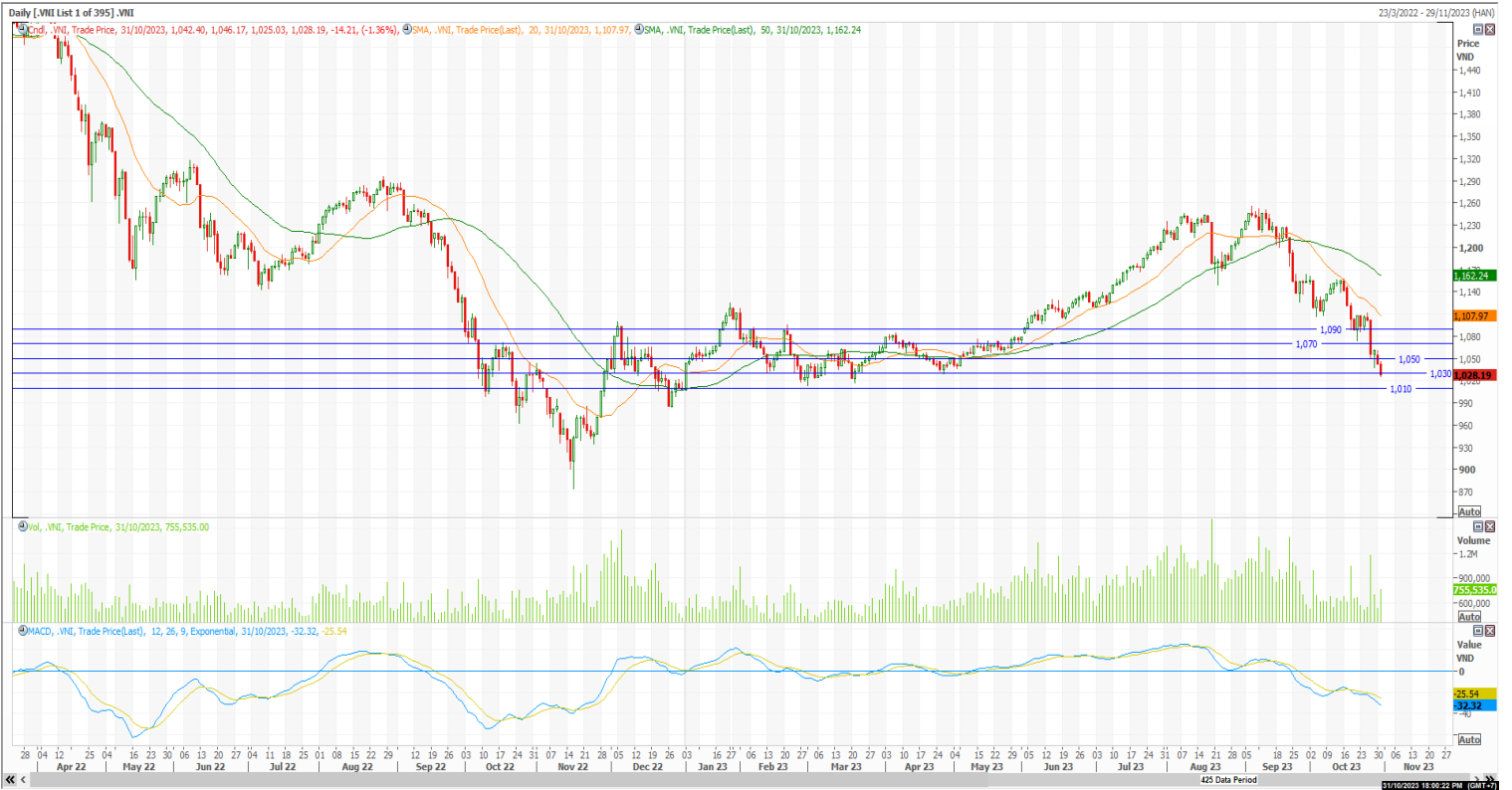
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

## Tin quốc tế

- Niềm tin tiêu dùng tại Mỹ giảm nhẹ trong tháng 10.** Hãng Conference Board khảo sát cho biết chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Mỹ ở mức 102,6 điểm trong tháng 10, giảm nhẹ từ mức 104,3 điểm của tháng trước đó song vẫn cao hơn so với mức 100,5 điểm theo dự báo. Đây là tháng giảm thứ 3 liên tiếp đối với chỉ báo này, phản ánh sự kỳ vọng của người tiêu dùng vào triển vọng của nền kinh tế đang xấu đi. Người tiêu dùng hiện tại quan tâm đến những diễn biến xung quanh bất ổn tại Trung Đông, điều có thể ảnh hưởng tới giá cả hàng hóa, lạm phát và cuối cùng là lãi suất trong tương lai.
- Lạm phát tại Đức hạ nhiệt khá mạnh trong tháng 10.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức cho biết chỉ số giá tiêu dùng CPI lõi tại nước này tăng 4,2% y/y trong tháng 10, thấp hơn mức 4,5% của tháng 9 và khớp với dự báo. CPI toàn phần tại quốc gia này chỉ tăng 2,9% y/y trong tháng vừa qua, thấp hơn nhiều so với mức tăng 4,3% ghi nhận ở tháng 9. Đây là mức CPI toàn phần thấp nhất của nước Đức kể từ sau tháng 9/2021.
- NHTW Nhật Bản BOJ không thay đổi LSCS trong cuộc họp tháng 10.** Ngày hôm qua, BOJ thông báo tiếp tục giữ LSCS (LS tiền gửi ON tại BOJ) ở mức -0,1% nhằm hỗ trợ kinh tế phục hồi và đạt được lạm phát ổn định ở mức mục tiêu 2,0%. Bên cạnh đó, BOJ sẽ tiếp tục mua vào TPCP Nhật Bản nhằm duy trì lợi suất kỳ hạn 10 năm ở quanh mức 0%. Cơ quan này cũng cho biết sẽ tiến hành kiểm soát đường cong lợi suất trái phiếu với giới hạn chặn trên là mức 1,0%, và sẽ thực hiện mục tiêu này thông qua việc mua TPCP Nhật Bản với quy mô lớn và nhanh chóng. Theo BOJ, triển vọng lạm phát tại Nhật Bản đã tăng lên với mức độ vừa phải và kinh tế vẫn tiếp tục phục hồi, tuy nhiên diễn biến ở tỷ giá hối đoái đang là rủi ro cần quan sát. BOJ dự báo lạm phát tại Nhật sẽ ở mức 2,8% trong mỗi năm tài chính 2023 và 2024.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
31-10	8:30	***	PMI lĩnh vực sản xuất Trung Quốc T10	49,5	50,2	50,2
31-10	8:30	**	PMI lĩnh vực dịch vụ Trung Quốc T10	50,6	51,8	51,7
31-10	Tentative	***	LSCS NHTW Nhật Bản BOJ	-0,1	-0,1	-0,1
31-10	17:00	**	CPI lõi sơ bộ Eurozone yy T10	4,2	4,2	4,5
31-10	21:00	***	Chỉ số niềm tin tiêu dùng Conference Board Mỹ T10	102,6	100,1	104,3
01-11	8:45	**	PMI lĩnh vực sản xuất Trung Quốc T10		50,8	50,6
01-11	19:15	***	Số việc làm phi nông nghiệp thay đổi tại Mỹ ADP T9		149K	89K
01-11	21:00	***	PMI lĩnh vực sản xuất T10 ISM Mỹ		49,0	49,0
01-11	21:00	***	Số cơ hội việc làm tại Mỹ T9		9,34M	9,61M

## VN-INDEX



VN-Index giảm rất mạnh, đóng cửa tại 1.028,19 điểm. Thanh khoản phiên hôm qua tăng lên khá so với mức trung bình 20 phiên, cho thấy lực cầu bắt đầu xuất hiện trở lại quanh vùng giá hiện tại. VN-Index có thể sẽ có nhịp nhúng về gần mức hỗ trợ 1010 điểm trong những phiên sắp tới, sau đó cân bằng hoặc có sự hồi phục ngắn hạn.

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

### TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

#### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**

Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)